

出発都市3コード	到着都市3コード	航空会社コード	コンテナ単位	特定品目コード	合算マーク	重量	貨率	通貨コード	出発エリア	出発国	出発都市	到着エリア	到着国	到着都市
BKK	FUK	NH				M	800	THB	TC3	THAILAND	BANGKOK	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
BKK	FUK	NH				N	123	THB	TC3	THAILAND	BANGKOK	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
BKK	FUK	NH				45	92	THB	TC3	THAILAND	BANGKOK	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
BKK	HJL	NH				M	800	THB	TC3	THAILAND	BANGKOK	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
BKK	HJL	NH				N	123	THB	TC3	THAILAND	BANGKOK	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
BKK	HJL	NH				45	92	THB	TC3	THAILAND	BANGKOK	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
BKK	NGO	NH				M	800	THB	TC3	THAILAND	BANGKOK	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
BKK	NGO	NH				N	123	THB	TC3	THAILAND	BANGKOK	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
BKK	NGO	NH				45	92	THB	TC3	THAILAND	BANGKOK	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
BKK	OKA	NH				M	800	THB	TC3	THAILAND	BANGKOK	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
BKK	OKA	NH				N	225	THB	TC3	THAILAND	BANGKOK	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
BKK	OKA	NH				45	164	THB	TC3	THAILAND	BANGKOK	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
BKK	OSA	NH				M	800	THB	TC3	THAILAND	BANGKOK	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
BKK	OSA	NH				N	123	THB	TC3	THAILAND	BANGKOK	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
BKK	OSA	NH				45	92	THB	TC3	THAILAND	BANGKOK	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
BKK	TYO	NH				M	800	THB	TC3	THAILAND	BANGKOK	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
BKK	TYO	NH				N	123	THB	TC3	THAILAND	BANGKOK	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
BKK	TYO	NH				45	92	THB	TC3	THAILAND	BANGKOK	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
BJS	FUK	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
BJS	FUK	NH				N	33.38	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
BJS	FUK	NH				45	25.04	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
BJS	HJL	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
BJS	HJL	NH				N	33.98	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
BJS	HJL	NH				45	25.49	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
BJS	NGO	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
BJS	NGO	NH				N	37.51	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
BJS	NGO	NH				45	28.13	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
BJS	OKJ	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	OKAYAMA 岡山
BJS	OKJ	NH				N	36.29	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	OKAYAMA 岡山
BJS	OKJ	NH				45	27.22	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	OKAYAMA 岡山
BJS	OSA	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
BJS	OSA	NH				N	37.51	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
BJS	OSA	NH				45	28.13	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
BJS	SPK	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
BJS	SPK	NH				N	39.21	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
BJS	SPK	NH				45	29.40	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
BJS	SDJ	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
BJS	SDJ	NH				N	40.89	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
BJS	SDJ	NH				45	30.67	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
BJS	TYO	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
BJS	TYO	NH				N	37.51	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
BJS	TYO	NH				45	28.13	CNY	TC3	CHINA	BEIJING 北京	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
DLC	FUK	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
DLC	FUK	NH				N	33.38	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
DLC	FUK	NH				45	25.04	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
DLC	HJL	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
DLC	HJL	NH				N	30.73	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
DLC	HJL	NH				45	23.05	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
DLC	NGO	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
DLC	NGO	NH				N	37.51	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
DLC	NGO	NH				45	28.13	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
DLC	OKJ	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	OKAYAMA 岡山
DLC	OKJ	NH				N	33.45	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	OKAYAMA 岡山
DLC	OKJ	NH				45	25.09	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	OKAYAMA 岡山
DLC	OKA	NH				M	263.00	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
DLC	OKA	NH				N	42.91	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
DLC	OKA	NH				45	34.05	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
DLC	OKA	NH				250	32.50	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
DLC	OKA	NH				500	30.53	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
DLC	OSA	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
DLC	OSA	NH				N	37.51	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
DLC	OSA	NH				45	28.13	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
DLC	SPK	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
DLC	SPK	NH				N	37.51	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
DLC	SPK	NH				45	28.13	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
DLC	SDJ	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
DLC	SDJ	NH				N	40.89	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
DLC	SDJ	NH				45	30.67	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
DLC	TYO	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
DLC	TYO	NH				N	37.51	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
DLC	TYO	NH				45	28.13	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
DLC	TOY	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	TOYAMA 富山
DLC	TOY	NH				N	37.51	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	TOYAMA 富山
DLC	TOY	NH				45	28.13	CNY	TC3	CHINA	DALIAN 大連	TC3	JAPAN	TOYAMA 富山
CAN	FUK	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
CAN	FUK	NH				N	38.67	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
CAN	FUK	NH				45	29.04	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
CAN	HJL	NH				M	263.00	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
CAN	HJL	NH				N	39.99	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
CAN	HJL	NH				45	30.27	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
CAN	HJL	NH				250	30.06	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
CAN	HJL	NH				500	29.79	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
CAN	NGO	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
CAN	NGO	NH				N	38.67	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
CAN	NGO	NH				45	29.04	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
CAN	OKJ	NH				M	263.00	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	OKAYAMA 岡山
CAN	OKJ	NH				N	39.74	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	OKAYAMA 岡山
CAN	OKJ	NH				45	30.03	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	OKAYAMA 岡山
CAN	OKJ	NH				250	29.97	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	OKAYAMA 岡山
CAN	OKJ	NH				500	29.65	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	OKAYAMA 岡山
CAN	OKA	NH				M	263.00	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
CAN	OKA	NH				N	43.05	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
CAN	OKA	NH				45	32.55	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
CAN	OSA	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
CAN	OSA	NH				N	38.67	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
CAN	OSA	NH				45	29.04	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
CAN	SPK	NH				M	263.00	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
CAN	SPK	NH				N	49.43	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
CAN	SPK	NH				45	39.19	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
CAN	SPK	NH				250	37.37	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
CAN	SPK	NH				500	35.17	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
CAN	SDJ	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
CAN	SDJ	NH				N	42.07	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
CAN	SDJ	NH				45	31.83	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
CAN	TYO	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
CAN	TYO	NH				N	38.67	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
CAN	TYO	NH				45	29.04	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
CAN	TOY	NH				M	263.00	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	TOYAMA 富山
CAN	TOY	NH				N	39.74	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	TOYAMA 富山
CAN	TOY	NH				45	30.03	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	TOYAMA 富山
CAN	TOY	NH				250	29.97	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	TOYAMA 富山
CAN	TOY	NH				500	29.65	CNY	TC3	CHINA	GUANGZHOU 広州	TC3	JAPAN	TOYAMA 富山
HGH	FUK	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	HANGZHOU 杭州	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
HGH	FUK	NH				N	28.67	CNY	TC3	CHINA	HANGZHOU 杭州	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
HGH	FUK	NH				45	21.50	CNY	TC3	CHINA	HANGZHOU 杭州	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
HGH	NGO	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	HANGZHOU 杭州	TC3</		

出発都市3コード	到着都市3コード	航空会社コード	コンテナ単位	特定品目コード	合算マーク	重量	貨率	通貨コード	出発エリア	出発国	出発都市	到着エリア	到着国	到着都市
SGN	NGO	NH				45	4.61	USD	TC3	VIET NAM	HO CHI MINH CITY	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
SGN	OKA	NH				M	50.00	USD	TC3	VIET NAM	HO CHI MINH CITY	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
SGN	OKA	NH				N	16.43	USD	TC3	VIET NAM	HO CHI MINH CITY	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
SGN	OKA	NH				45	12.00	USD	TC3	VIET NAM	HO CHI MINH CITY	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
SGN	OSA	NH				M	50.00	USD	TC3	VIET NAM	HO CHI MINH CITY	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
SGN	OSA	NH				N	8.98	USD	TC3	VIET NAM	HO CHI MINH CITY	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
SGN	OSA	NH				45	6.73	USD	TC3	VIET NAM	HO CHI MINH CITY	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
SGN	TYO	NH				M	50.00	USD	TC3	VIET NAM	HO CHI MINH CITY	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
SGN	TYO	NH				N	8.98	USD	TC3	VIET NAM	HO CHI MINH CITY	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
SGN	TYO	NH				45	6.73	USD	TC3	VIET NAM	HO CHI MINH CITY	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
HKG	FUK	NH				M	229.00	HKD	TC3	HONG KONG	HONG KONG 香港	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
HKG	FUK	NH				N	30.19	HKD	TC3	HONG KONG	HONG KONG 香港	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
HKG	FUK	NH				45	22.63	HKD	TC3	HONG KONG	HONG KONG 香港	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
HKG	NGO	NH				M	229.00	HKD	TC3	HONG KONG	HONG KONG 香港	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
HKG	NGO	NH				N	26.80	HKD	TC3	HONG KONG	HONG KONG 香港	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
HKG	NGO	NH				45	20.09	HKD	TC3	HONG KONG	HONG KONG 香港	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
HKG	OKA	NH				M	229.00	HKD	TC3	HONG KONG	HONG KONG 香港	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
HKG	OKA	NH				N	30.19	HKD	TC3	HONG KONG	HONG KONG 香港	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
HKG	OKA	NH				45	22.63	HKD	TC3	HONG KONG	HONG KONG 香港	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
HKG	OSA	NH				M	229.00	HKD	TC3	HONG KONG	HONG KONG 香港	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
HKG	OSA	NH				N	26.80	HKD	TC3	HONG KONG	HONG KONG 香港	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
HKG	OSA	NH				45	20.09	HKD	TC3	HONG KONG	HONG KONG 香港	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
HKG	SPK	NH				M	229.00	HKD	TC3	HONG KONG	HONG KONG 香港	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
HKG	SPK	NH				N	30.19	HKD	TC3	HONG KONG	HONG KONG 香港	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
HKG	SPK	NH				45	22.63	HKD	TC3	HONG KONG	HONG KONG 香港	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
HKG	SDJ	NH				M	229.00	HKD	TC3	HONG KONG	HONG KONG 香港	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
HKG	SDJ	NH				N	24.39	HKD	TC3	HONG KONG	HONG KONG 香港	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
HKG	SDJ	NH				45	18.29	HKD	TC3	HONG KONG	HONG KONG 香港	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
HKG	TYO	NH				M	229.00	HKD	TC3	HONG KONG	HONG KONG 香港	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
HKG	TYO	NH				N	26.80	HKD	TC3	HONG KONG	HONG KONG 香港	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
HKG	TYO	NH				45	20.09	HKD	TC3	HONG KONG	HONG KONG 香港	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
JKT	FUK	NH				M	452387.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
JKT	FUK	NH				N	97265.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
JKT	FUK	NH				45	74380.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
JKT	FUK	NH				100	59345.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
JKT	FUK	NH				300	49500.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
JKT	HJL	NH				M	524190.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
JKT	HJL	NH				N	119315.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
JKT	HJL	NH				45	94695.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
JKT	HJL	NH				100	79860.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
JKT	HJL	NH				250	76475.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
JKT	HJL	NH				300	66625.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
JKT	HJL	NH				500	62010.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
JKT	KOJ	NH				M	452387.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	KAGOSHIMA 鹿児島
JKT	KOJ	NH				N	177920.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	KAGOSHIMA 鹿児島
JKT	KOJ	NH				45	132590.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	KAGOSHIMA 鹿児島
JKT	NGO	NH				M	452387.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
JKT	NGO	NH				N	97265.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
JKT	NGO	NH				45	74380.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
JKT	NGO	NH				100	59345.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
JKT	NGO	NH				300	49500.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
JKT	OKA	NH				M	452387.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
JKT	OKA	NH				N	177920.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
JKT	OKA	NH				45	132590.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
JKT	OKA	NH				M	452387.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
JKT	OSA	NH				N	97265.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
JKT	OSA	NH				45	74380.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
JKT	OSA	NH				100	59345.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
JKT	OSA	NH				300	49500.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
JKT	SPK	NH				M	452387.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
JKT	SPK	NH				N	142635.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
JKT	SPK	NH				45	106315.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
JKT	SPK	NH				100	91280.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
JKT	SPK	NH				300	81430.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
JKT	TYO	NH				M	452387.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
JKT	TYO	NH				N	97265.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
JKT	TYO	NH				45	74380.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
JKT	TYO	NH				100	59345.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
JKT	TYO	NH				300	49500.00	IDR	TC3	INDONESIA	JAKARTA	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
KUL	FUK	NH				M	113.00	MYR	TC3	MALAYSIA	KUALA LUMPUR	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
KUL	FUK	NH				N	16.71	MYR	TC3	MALAYSIA	KUALA LUMPUR	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
KUL	FUK	NH				45	12.53	MYR	TC3	MALAYSIA	KUALA LUMPUR	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
KUL	NGO	NH				M	113.00	MYR	TC3	MALAYSIA	KUALA LUMPUR	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
KUL	NGO	NH				N	16.71	MYR	TC3	MALAYSIA	KUALA LUMPUR	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
KUL	NGO	NH				45	12.53	MYR	TC3	MALAYSIA	KUALA LUMPUR	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
KUL	OKA	NH				M	113.00	MYR	TC3	MALAYSIA	KUALA LUMPUR	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
KUL	OKA	NH				N	12.70	MYR	TC3	MALAYSIA	KUALA LUMPUR	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
KUL	OKA	NH				45	9.53	MYR	TC3	MALAYSIA	KUALA LUMPUR	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
KUL	OSA	NH				M	113.00	MYR	TC3	MALAYSIA	KUALA LUMPUR	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
KUL	OSA	NH				N	16.71	MYR	TC3	MALAYSIA	KUALA LUMPUR	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
KUL	OSA	NH				45	12.53	MYR	TC3	MALAYSIA	KUALA LUMPUR	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
KUL	TYO	NH				M	113.00	MYR	TC3	MALAYSIA	KUALA LUMPUR	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
KUL	TYO	NH				N	16.71	MYR	TC3	MALAYSIA	KUALA LUMPUR	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
KUL	TYO	NH				45	12.53	MYR	TC3	MALAYSIA	KUALA LUMPUR	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
MNL	FUK	NH				M	39.00	USD	TC3	PHILIPPINES	MANILA	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
MNL	FUK	NH				N	3.86	USD	TC3	PHILIPPINES	MANILA	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
MNL	FUK	NH				45	2.92	USD	TC3	PHILIPPINES	MANILA	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
MNL	NGO	NH				M	39.00	USD	TC3	PHILIPPINES	MANILA	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
MNL	NGO	NH				N	4.06	USD	TC3	PHILIPPINES	MANILA	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
MNL	NGO	NH				45	3.07	USD	TC3	PHILIPPINES	MANILA	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
MNL	OKA	NH				M	39.00	USD	TC3	PHILIPPINES	MANILA	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
MNL	OKA	NH				N	7.43	USD	TC3	PHILIPPINES	MANILA	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
MNL	OKA	NH				45	5.47	USD	TC3	PHILIPPINES	MANILA	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
MNL	OSA	NH				M	39.00	USD	TC3	PHILIPPINES	MANILA	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
MNL	OSA	NH				N	4.06	USD	TC3	PHILIPPINES	MANILA	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
MNL	OSA	NH				45	3.07	USD	TC3	PHILIPPINES	MANILA	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
MNL	TYO	NH				M	39.00	USD	TC3	PHILIPPINES	MANILA	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
MNL	TYO	NH				N	4.06	USD	TC3	PHILIPPINES	MANILA	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
MNL	TYO	NH				45	3.07	USD	TC3	PHILIPPINES	MANILA	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
PER	OSA	NH				M	120.00	AUD	TC3	AUSTRALIA	PERTH	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
PER	OSA	NH				N	9.00	AUD	TC3	AUSTRALIA	PERTH	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
PER	OSA	NH				45	6.75	AUD	TC3	AUSTRALIA	PERTH	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
PER	OSA	NH				100	5.50	AUD	TC3	AUSTRALIA	PERTH	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
PER	OSA	NH				250	5.00	AUD	TC3	AUSTRALIA	PERTH	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
PER	OSA	NH				500	4.40	AUD	TC3	AUSTRALIA	PERTH	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
PER	OSA	NH				1000	3.90	AUD	TC3	AUSTRALIA	PERTH	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
PER	SPK	NH				M	120.00	AUD	TC3	AUSTRALIA	PERTH	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
PER	SPK	NH				N	9.00	AUD	TC3	AUSTRALIA	PERTH	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
PER	SPK	NH				45	6.75	AUD	TC3	AUSTRALIA	PERTH	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
PER	SPK	NH				100	5.50	AUD	TC3	AUSTRALIA	PERTH	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
PER	SPK	NH				250	5.00	AUD	TC3	AUSTRALIA	PERTH	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
PER	SPK	NH				500	4.40	AUD	TC3	AUSTRALIA	PERTH	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
PER	SPK	NH				1000	3.90	AUD	TC3	AUSTRALIA	PERTH	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
PER	TYO	NH				M	120.00	AUD	TC3	AUSTRALIA	PERTH	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
PER	TYO	NH				N	9.00	AUD	TC3	AUSTRALIA	PERTH	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
PER	TYO	NH				45	6.75	AUD	TC3	AUSTRALIA	PERTH	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
PER	TYO	NH												

出発都市3コード	到着都市3コード	航空会社コード	コンテナ単位	特定品目コード	合算マーク	重量	貨率	通貨コード	出発エリア	出発国	出発都市	到着エリア	到着国	到着都市
SEL	KOJ	NH				M	33900	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	KAGOSHIMA 鹿児島
SEL	KOJ	NH				N	1780	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	KAGOSHIMA 鹿児島
SEL	KOJ	NH				45	1340	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	KAGOSHIMA 鹿児島
SEL	NGS	NH				M	33900	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	NAGASAKI 長崎
SEL	NGS	NH				N	1310	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	NAGASAKI 長崎
SEL	NGS	NH				45	990	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	NAGASAKI 長崎
SEL	NGO	NH				M	33900	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
SEL	NGO	NH				N	2150	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
SEL	NGO	NH				45	1600	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
SEL	OKJ	NH				M	33900	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	OKAYAMA 岡山
SEL	OKJ	NH				N	1680	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	OKAYAMA 岡山
SEL	OKJ	NH				45	1250	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	OKAYAMA 岡山
SEL	OKA	NH				M	33900	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
SEL	OKA	NH				N	2960	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
SEL	OKA	NH				45	2210	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
SEL	OSA	NH				M	33900	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
SEL	OSA	NH				N	1920	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
SEL	OSA	NH				45	1440	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
SEL	SPK	NH				M	33900	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
SEL	SPK	NH				N	2720	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
SEL	SPK	NH				45	2040	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
SEL	SDJ	NH				M	33900	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
SEL	SDJ	NH				N	2260	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
SEL	SDJ	NH				45	1700	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
SEL	TAK	NH				M	33900	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	TAKAMATSU 高松
SEL	TAK	NH				N	1920	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	TAKAMATSU 高松
SEL	TAK	NH				45	1440	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	TAKAMATSU 高松
SEL	TYO	NH				M	33900	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
SEL	TYO	NH				N	2210	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
SEL	TYO	NH				45	1650	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
SEL	TOY	NH				M	33900	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	TOYAMA 富山
SEL	TOY	NH				N	2150	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	TOYAMA 富山
SEL	TOY	NH				45	1600	KRW	TC3	REP. OF KOREA	SEOUL	TC3	JAPAN	TOYAMA 富山
SHA	FUK	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
SHA	FUK	NH				N	25.67	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
SHA	FUK	NH				45	19.25	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
SHA	Hlj	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
SHA	Hlj	NH				N	27.93	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
SHA	Hlj	NH				45	20.35	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
SHA	KOJ	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	KAGOSHIMA 鹿児島
SHA	KOJ	NH				N	25.67	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	KAGOSHIMA 鹿児島
SHA	KOJ	NH				45	19.25	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	KAGOSHIMA 鹿児島
SHA	NGS	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	NAGASAKI 長崎
SHA	NGS	NH				N	25.67	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	NAGASAKI 長崎
SHA	NGS	NH				45	19.25	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	NAGASAKI 長崎
SHA	NGO	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
SHA	NGO	NH				N	30.22	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
SHA	NGO	NH				45	22.71	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
SHA	OKJ	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	OKAYAMA 岡山
SHA	OKJ	NH				N	30.22	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	OKAYAMA 岡山
SHA	OKJ	NH				45	22.71	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	OKAYAMA 岡山
SHA	OKA	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
SHA	OKA	NH				N	32.03	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
SHA	OKA	NH				45	24.92	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
SHA	OSA	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
SHA	OSA	NH				N	30.22	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
SHA	OSA	NH				45	22.71	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
SHA	SPK	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
SHA	SPK	NH				N	37.51	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
SHA	SPK	NH				45	28.13	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
SHA	SDJ	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
SHA	SDJ	NH				N	32.28	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
SHA	SDJ	NH				45	24.21	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
SHA	TYO	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
SHA	TYO	NH				N	30.22	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
SHA	TYO	NH				45	22.71	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
SHA	TOY	NH				M	230.00	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	TOYAMA 富山
SHA	TOY	NH				N	33.57	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	TOYAMA 富山
SHA	TOY	NH				45	25.36	CNY	TC3	CHINA	SHANGHAI 上海	TC3	JAPAN	TOYAMA 富山
SIN	FUK	NH				M	75.00	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
SIN	FUK	NH				N	11.78	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
SIN	FUK	NH				45	8.84	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
SIN	Hlj	NH				M	75.00	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
SIN	Hlj	NH				N	11.78	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
SIN	Hlj	NH				45	8.84	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
SIN	KOJ	NH				M	75.00	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	KAGOSHIMA 鹿児島
SIN	KOJ	NH				N	21.55	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	KAGOSHIMA 鹿児島
SIN	KOJ	NH				45	15.76	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	KAGOSHIMA 鹿児島
SIN	NGO	NH				M	75.00	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
SIN	NGO	NH				N	11.78	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
SIN	NGO	NH				45	8.84	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
SIN	OKA	NH				M	75.00	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
SIN	OKA	NH				N	21.55	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
SIN	OKA	NH				45	15.76	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
SIN	OSA	NH				M	75.00	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
SIN	OSA	NH				N	11.78	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
SIN	OSA	NH				45	8.84	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
SIN	SDJ	NH				M	75.00	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
SIN	SDJ	NH				N	11.78	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
SIN	SDJ	NH				45	8.84	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
SIN	TYO	NH				M	75.00	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
SIN	TYO	NH				N	11.78	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
SIN	TYO	NH				45	8.84	SGD	TC3	SINGAPORE	SINGAPORE	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
SYD	FUK	NH				M	127.00	AUD	TC3	AUSTRALIA	SYDNEY	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
SYD	FUK	NH				N	11.40	AUD	TC3	AUSTRALIA	SYDNEY	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
SYD	FUK	NH				45	9.00	AUD	TC3	AUSTRALIA	SYDNEY	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
SYD	FUK	NH				100	7.75	AUD	TC3	AUSTRALIA	SYDNEY	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
SYD	FUK	NH				250	6.85	AUD	TC3	AUSTRALIA	SYDNEY	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
SYD	FUK	NH				300	6.25	AUD	TC3	AUSTRALIA	SYDNEY	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
SYD	FUK	NH				500	5.25	AUD	TC3	AUSTRALIA	SYDNEY	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
SYD	NGO	NH				M	127.00	AUD	TC3	AUSTRALIA	SYDNEY	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
SYD	NGO	NH				N	10.20	AUD	TC3	AUSTRALIA	SYDNEY	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
SYD	NGO	NH				45	7.90	AUD	TC3	AUSTRALIA	SYDNEY	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
SYD	NGO	NH				100	6.60	AUD	TC3	AUSTRALIA	SYDNEY	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
SYD	NGO	NH				250	5.95	AUD	TC3	AUSTRALIA	SYDNEY	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
SYD	NGO	NH				300	5.35	AUD	TC3	AUSTRALIA	SYDNEY	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
SYD	NGO	NH				500	4.60	AUD	TC3	AUSTRALIA	SYDNEY	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
SYD	OSA	NH				M	120.00	AUD	TC3	AUSTRALIA	SYDNEY	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
SYD	OSA	NH				N	9.00	AUD	TC3	AUSTRALIA	SYDNEY	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
SYD	OSA	NH				45	6.75	AUD	TC3	AUSTRALIA	SYDNEY	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
SYD	OSA	NH				100	5.50	AUD	TC3	AUSTRALIA	SYDNEY	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
SYD	OSA	NH				250	5.00	AUD	TC3	AUSTRALIA	SYDNEY	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
SYD	OSA	NH				500	4.40	AUD	TC3	AUSTRALIA	SYDNEY	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
SYD	OSA	NH				1000	3.90	AUD	TC3	AUSTRALIA	SYDNEY	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
SYD	SPK	NH				M	120.00	AUD	TC3	AUSTRALIA	SYDNEY	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
SYD	SPK	NH				N	9.00	AUD	TC3	AUSTRALIA	SYDNEY	TC3	JAPAN	SAPPORO

出発都市3コード	到着都市3コード	航空会社コード	コンテナ単位	特定品目コード	合算マーク	重量	貨率	通貨コード	出発エリア	出発国	出発都市	到着エリア	到着国	到着都市
TPE	FUK	NH				N	68	TWD	TC3	TAIWAN	TAIPEI 台北	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
TPE	FUK	NH				45	51	TWD	TC3	TAIWAN	TAIPEI 台北	TC3	JAPAN	FUKUOKA 福岡
TPE	HIJ	NH				M	1281	TWD	TC3	TAIWAN	TAIPEI 台北	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
TPE	HIJ	NH				N	88	TWD	TC3	TAIWAN	TAIPEI 台北	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
TPE	HIL	NH				45	66	TWD	TC3	TAIWAN	TAIPEI 台北	TC3	JAPAN	HIROSHIMA 広島
TPE	NGO	NH				M	1281	TWD	TC3	TAIWAN	TAIPEI 台北	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
TPE	NGO	NH				N	93	TWD	TC3	TAIWAN	TAIPEI 台北	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
TPE	NGO	NH				45	70	TWD	TC3	TAIWAN	TAIPEI 台北	TC3	JAPAN	NAGOYA 名古屋
TPE	OKA	NH				M	1281	TWD	TC3	TAIWAN	TAIPEI 台北	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
TPE	OKA	NH				N	35	TWD	TC3	TAIWAN	TAIPEI 台北	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
TPE	OKA	NH				45	30	TWD	TC3	TAIWAN	TAIPEI 台北	TC3	JAPAN	OKINAWA 沖縄
TPE	OSA	NH				M	1281	TWD	TC3	TAIWAN	TAIPEI 台北	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
TPE	OSA	NH				N	88	TWD	TC3	TAIWAN	TAIPEI 台北	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
TPE	OSA	NH				45	66	TWD	TC3	TAIWAN	TAIPEI 台北	TC3	JAPAN	OSAKA 大阪
TPE	SPK	NH				M	1281	TWD	TC3	TAIWAN	TAIPEI 台北	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
TPE	SPK	NH				N	133	TWD	TC3	TAIWAN	TAIPEI 台北	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
TPE	SPK	NH				45	100	TWD	TC3	TAIWAN	TAIPEI 台北	TC3	JAPAN	SAPPORO 札幌
TPE	SDJ	NH				M	1281	TWD	TC3	TAIWAN	TAIPEI 台北	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
TPE	SDJ	NH				N	117	TWD	TC3	TAIWAN	TAIPEI 台北	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
TPE	SDJ	NH				45	89	TWD	TC3	TAIWAN	TAIPEI 台北	TC3	JAPAN	SENDAI 仙台
TPE	TYO	NH				M	1281	TWD	TC3	TAIWAN	TAIPEI 台北	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
TPE	TYO	NH				N	102	TWD	TC3	TAIWAN	TAIPEI 台北	TC3	JAPAN	TOKYO 東京
TPE	TYO	NH				45	77	TWD	TC3	TAIWAN	TAIPEI 台北	TC3	JAPAN	TOKYO 東京